

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và bà Phạm Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn S** – sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ A, Khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Kim L** – sinh năm 1966

Địa chỉ: Tổ A, Khu E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

- Về hôn nhân: Ông S và bà L chung sống tự nguyện từ năm 1990, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2024 xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và không còn hòa hợp, thường cãi nhau nên đã ly thân. Ông nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà.

- Về nuôi con: Ông bà có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Thúy V – sinh năm 1991 và Nguyễn Tuấn A – sinh năm 1995, do con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông S chung sống tự nguyện từ khoảng năm 1988, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn. C sống đến năm 2024 xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và không còn hòa hợp, ông S có quen biết với người phụ nữ khác nên ông bà đã ly thân từ tháng 10/2024 đến nay. Nhận thấy tình cảm vẫn còn nên ông yêu cầu được ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con: Ông bà có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Thúy V – sinh năm 1991 và Nguyễn Tuấn A – sinh năm 1995, do con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Kim L là vợ chồng. Đối với các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nên không đề nghị xem xét. Về tài sản: Các đương sự trình bày không có nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn bà Trần Thị Kim L có nơi cư trú, sinh sống tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà L. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự ông S là nguyên đơn và bà L là bị đơn, quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Ông S và bà L tự nguyện chung sống với nhau từ khoảng năm 1988 đến năm 1990 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của ông bà đến năm 2024 thì không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, nghi ngờ lẫn nhau, thường hay cự cãi do ông S thiếu trách nhiệm với gia đình, bà L khuyên can nhưng ông S không thay đổi và đã không còn chung sống cho đến nay.

Mặc dù ông bà đủ điều kiện kết hôn nhưng lại chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào khoản 1, Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; điểm b Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Kim L là vợ chồng.

- Về nuôi con: Ông bà có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Thúy V – sinh năm 1991 và Nguyễn Tuấn A – sinh năm 1995, do con chung đã thành niên nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản: Ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Kim L là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị Kim L có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Thúy V – sinh năm 1991 và Nguyễn Tuấn A – sinh năm 1995 đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi bản thân; các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013820 ngày 08/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

5. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo: Bà L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn Tân Phú;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

